

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **29/2023/DS-ST**

Ngày: 20 - 9 - 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Minh

Ông Nguyễn Thông Thái

Thư ký phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2023/TLST-DS ngày 09/6/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐST-DS, ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐDS-ST ngày 29/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm T** – sinh năm 1967

Địa chỉ: khu phố 05, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Lê M** – sinh năm 1969 (vắng mặt);

Ông **Lê H** – sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: khu phố 05, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm T trình bày: Vì là chỗ quen biết nhau nên bà Nguyễn Thị Lê M có mượn tiền của ông nhiều lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 24/01/2020, bà Nguyễn Thị Lê M có mượn của ông số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Vào ngày 24/3/2020, bà Nguyễn Thị Lê M có mượn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Vào ngày 15/12/2020, bà Nguyễn Thị Lê M mượn ông số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), ông Lê H có ký tên vào là người thừa kế.

Vào buổi sáng ngày 19/6/2021, bà Nguyễn Thị Lê M có mượn số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) được viết trên tờ giấy caro. Vào buổi chiều ngày 19/6/2021, bà Nguyễn Thị Lê M tiếp tục mượn ông số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) được viết trên tờ giấy vở học trò.

Việc vay mượn tiền giữa ông và bà Lê M, ông Lê H có làm giấy tờ vay, có sự xác nhận của khu phố 05, thị trấn L. Ngoài ra, bà Lê M còn thế chấp căn nhà cấp 4 của mẹ con bà Lê M, ông Lê H tọa lạc tại khu phố 05, thị trấn L, huyện Tuy Phong. Hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/ tháng, bà Lê M đã trả lãi cho ông đầy đủ đến ngày 02/10/2021 thì ngưng.

Ngày 02/10/2021 bà Lê M đề nghị ông mua lại căn nhà của bà với giá 500.000.000 đồng và ông phải đặt cọc 10.000.000 đồng, tuy nhiên đến ngày hẹn sang nhượng thì bà Lê M đã bỏ trốn từ đó cho đến nay.

Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Lê M, ông Lê H phải trả cho ông số tiền **280.000.000 đồng** và lãi suất theo quy định pháp luật, kể từ ngày 02/10/2021.

Đối với bị đơn bà Lê M và ông Lê H, sau khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 09/6/2023, qua xác minh tại khu phố 05, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận thì bà Lê M không có mặt ở địa phương, ông Lê H có mặt ở địa phương, do đó Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của ông Phạm T bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú, tại Tòa án. Ngày 20 tháng 7 năm 2023 Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 07 tháng 8 năm 2023 Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bà Lê M và ông Lê H vắng

mặt không có lý do tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa ngày 29/8/2023, tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Lê M và ông Lê H tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê M ông Lê H là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lê M phải trả cho ông Phạm T số nợ gốc 260.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm T về việc buộc ông Lê H có trách nhiệm trả nợ cùng bà Lê M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lê M và ông Lê H có nơi cư trú tại khu phố 05, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lê M và ông Lê H trả tiền nợ vay nên xác định đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị Lê M và ông Lê H vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/8/2023, tại phiên tòa hôm nay bà Lê M và ông Lê H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn bà Lê M và ông Lê H theo quy định của pháp luật đồng thời căn cứ trên cơ sở các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử.

[2] Về nội dung vụ án: Tại Tòa nguyên đơn ông Phạm T yêu cầu bà Nguyễn Thị Lê M và ông Lê H phải trả số tiền gốc 280.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 02/10/2021.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Lê M và ông Lê H không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh nếu không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Trên cơ sở các chứng cứ mà bên nguyên đơn ông Phạm T cung cấp như sau: giấy mượn tiền ghi ngày 24/01/2020 thể hiện bà Nguyễn Thị Lê M mượn của ông Phạm T 20.000.000 đồng ở nửa trang giấy vở học sinh có chữ ký của bà Lê M. Giấy mượn tiền ngày 15/12/2020 là 100.000.000 đồng, thể hiện bà Lê M mượn tiền của ông Phạm T có thể chấp 01 căn nhà cấp 4 ở khu phố 5, thị trấn L thời hạn trả nợ là 01 năm; có ký tên, viết họ và tên của ông Lê H (con của bà Lê

M), đồng ý thế chấp căn nhà cho ông Phạm T, có xác nhận của khu phố 05, thị trấn L. 02 giấy mượn tiền ngày 19/6/2021, mỗi giấy mượn số tiền 70.000.000 đồng, đều có chữ ký của bà Lê M. Xét thấy nội dung và hình thức của giấy nợ sơ sài và không thể hiện rõ thời hạn vay cũng như lãi suất, tuy nhiên đều có chữ ký xác nhận của bà Lê M nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với tờ giấy ghi ngày 24/3/2020 có nội dung “em có mượn của anh Phạm T 20.000.000 đồng, phần cuối cùng ghi ngày 30-4” không có chữ ký hay viết họ tên gì của ai. Không có chữ ký xác nhận của bà Lê M, là không có cơ sở chấp nhận.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì ông Phạm T trình bày yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê M và ông Lê H trả nợ gốc 280.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 02/10/2021 đến nay. Như vậy, ông Phạm T không yêu cầu đòi với số tiền 10.000.000 đồng tiền cọc; đồng thời đòi với số tiền 20.000.000 đồng mà trong giấy mượn tiền không có chữ ký xác nhận của bà Lê M là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, chỉ có cơ sở giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T về số tiền gốc là 260.000.000 đồng = (20.000.000đ + 100.000.000đ + 70.000.000đ + 70.000.000đ).

Về việc ông Phạm T yêu cầu ông Lê H cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Lê M. Xét giấy mượn nợ ngày 15/10/2020 thể hiện nội dung bà Lê M mượn tiền 100.000.000 đồng của ông Phạm T có thể chấp 01 căn nhà cấp 4, thời hạn 01 năm trả nợ, nếu không hoàn trả nợ thì ông Phạm T được quyền quá giá căn nhà hoặc sang nhượng lại cho người khác để lấy lại tiền mà ông Phạm T cho bà Lê M mượn. Ông Lê H ký tên là người thừa kế với nội dung “tôi và mẹ tôi là Nguyễn Thị Lê M đồng ý nhất trí thế chấp căn nhà nói trên cho ông Phạm T”. Như vậy, ông Lê H chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi khi nào phát sinh việc xử lý căn nhà đã thế chấp để cho bà Lê M giải quyết nợ với ông Phạm T, đây là nhà chung của gia đình bà Lê M (không rõ các thành viên khác trong gia đình bà Lê M). Mặt khác, ông Lê H chỉ là người đồng ý cho bà Lê M thế chấp căn nhà để mượn tiền ông Phạm T, ông Lê H không có mượn tiền của ông Phạm T. Như vậy ông Phạm T khởi kiện cả ông Lê H là con của bà Lê M cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông là không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Căn cứ công văn số 746/TB-CAH-ĐT3 ngày 27/4/2023 của Công an huyện Tuy Phong, về việc giải quyết đơn tố giác của ông Phạm T cho bà Lê M mượn tiền 05 lần tổng cộng là 280.000.000 đồng; hàng tháng ông Phạm T đều có nhận lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng từ bà Lê M, sau đó bà Lê M không tiếp tục trả lãi.

Căn cứ lời khai của ông Phạm T cho rằng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/ tháng, bà Lê M đã trả lãi đầy đủ cho ông đến ngày 02/10/2021 thì ngưng, do đó cần phải điều chỉnh lại lãi suất mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn trước đó.

Về lãi suất mà ông Phạm T đã trình bày là 3%/tháng đã nhận đến ngày 02/10/2021 là $12.140.000 + 28.700.000 + 14.420.000 = 55.260.000$ đồng bao gồm:

Khoản vay 20.000.000 đồng (từ ngày 24/01/2020 đến 02/10/2021 là 01 năm 08 tháng 07 ngày) $\times 3\% = 12.140.000$ đồng.

Khoản vay 100.000.000 đồng (từ ngày 15/12/2020 đến 02/10/2021 là 09 tháng 17 ngày) $\times 3\% = 28.700.000$ đồng.

Khoản vay 140.000.000 đồng (từ ngày 19/6/2021 đến 02/10/2021 là 03 tháng 13 ngày) $\times 3\% = 14.420.000$ đồng.

Xác định đây là hợp đồng vay có thỏa thuận về lãi suất được điều chỉnh theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất không được vượt quá 20%/năm là $14.622.221 + 55.277.777 + 63.077.776 = 132.977.774$ đồng bao gồm:

Khoản vay 20.000.000 đồng (từ ngày 24/01/2020 đến 20/9/2023 là 03 năm 07 tháng 26 ngày) $\times 20\%/12 = 14.622.221$ đồng.

Khoản vay 100.000.000 đồng (từ ngày 15/12/2020 đến 20/9/2023 là 02 năm 09 tháng 05 ngày) $\times 20\%/12 = 55.277.777$ đồng.

Khoản vay 140.000.000 đồng (từ ngày 19/6/2021 đến 20/9/2023 là 02 năm 03 tháng 01 ngày) $\times 20\%/12 = 63.077.776$ đồng.

Như vậy phần lãi suất mà bà Nguyễn Thị Lê M phải trả cho ông Phạm T sau khi điều chỉnh là $132.977.774 - 55.260.000 = 77.717.774$ đồng.

Như vậy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phạm T là buộc bà Nguyễn Thị Lê M phải trả tiền nợ gốc và lãi suất cho ông Phạm T số tiền gốc 260.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 20/9/2023 là 77.717.774 đồng, tổng cộng là 337.717.774 đồng.

[3] Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà Lê M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357; 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T đối với bà Nguyễn Thị Lê M. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T đối với ông Lê H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Lê M phải trả cho ông Phạm T số tiền gốc 260.000.000 đồng, tiền lãi 77.717.774 đồng, tổng cộng **337.717.774 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm mười bảy ngàn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng)**. Kể từ ngày 21/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Lê M chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lê M phải nộp **16.885.888 đồng** án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm T số tiền **3.500.000 đồng** tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0017113 ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

Lâm Thị Mỹ Kỳ